

Bản án số: 88/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 11- 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và ông Lê Kim Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 295/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 21/10/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị S - S năm 1983.

- *Bị đơn:* Anh Lê Đình M - S năm 1982.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện T, Thanh Hóa

Tại phiên tòa, có mặt: Chị S, vắng mặt: Anh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 18 tháng 7 năm 2022, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị và anh Lê Đình M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Lộc, huyện Triệu Sơn ngày 15/8/2005. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát S mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh M hay cờ bạc, uống rượu, chửi bới, đánh vợ, không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng hay to tiếng và xô xát. Gia đình đã giàn xếp nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 1/2020 cho đến nay, không còn không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị S xác định không còn tình cảm với anh M, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nữa. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Đình M.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung: Cháu Lê Đình Mạnh S ngày 31/3/2006 và cháu Lê Đình Trình S ngày 09/10/2010. Hiện tại các cháu đang sống cùng với mẹ. Các cháu khỏe mạnh, phát triển tốt, được đi học đầy đủ, không bị

đánh đập bạo hành. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con. Chị làm công nhân giày da, công ty đóng trên địa bàn xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, thu nhập bình quân 7.000.000đ/tháng. Chị và hai con đang ở nhà bà ngoại, bà còn khỏe nên giúp đỡ chị chăm sóc các cháu. Anh M làm nghề tự do, chị không biết mức thu nhập của anh M. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, các con ở với mẹ, anh M không quan tâm chăm sóc và không đưa tiền cho chị nuôi dưỡng các cháu.

Về tài sản và nợ chung: Chị S trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M nhưng anh M không có yêu cầu gì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết và cũng không tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại Biên bản xác M ngày 18 tháng 8 năm 2022, đại diện UBND Xuân Lộc cung cấp: Chị Nguyễn Thị S và anh Lê Đình M được UBND xã Xuân Lộc cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/8/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng S sống tại Thôn C, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng phát S mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh M uống rượu dẫn đến vợ chồng hay cãi vã và sống ly thân từ tháng 01/2020 đến nay. Chị S về nhà mẹ đẻ cùng thôn S sống. Vợ chồng có 2 con chung: Cháu Lê Đình Mạnh S ngày 31/3/2006 và cháu Lê Đình Trình S ngày 09/10/2010. Hiện tại các cháu đang sống cùng với mẹ. Các cháu khỏe mạnh, được đi học đầy đủ, không bị đánh đập bạo hành. Chị S làm công nhân có thu nhập ổn định, có điều kiện nuôi con. Anh M làm nghề tự do, thi thoảng về nhà, hiện nay anh M không có mặt tại địa phương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S, xử cho chị S được ly hôn anh M; Về con chung: Giao cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Đình Mạnh S ngày 31/3/2006 và cháu Lê Đình Trình S ngày 09/10/2010, chị S không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét; Về tài sản chung và công nợ các đương sự không yêu cầu nên không xét; Về án phí: Chị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị S khởi kiện xin ly hôn anh M có hộ khẩu thường trú tại xã Xuân Lộc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

Tại thời điểm thụ lý vụ án, anh M có mặt tại địa phương và nhận thông báo thụ lý vụ án. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng khác cho bị đơn,

nhưng tại phiên toà lần thứ nhất, anh M vắng mặt, HĐXX phải ra quyết định hoãn phiên toà. Phiên toà mở lại lần thứ hai, anh M tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh M.

[2] Về hôn nhân: Chị S và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Xuân Lộc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10 quyền số 01/2005 ngày 15 tháng 8 năm 2005 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát S mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh M hay uống rượu dẫn đến vợ chồng xảy ra xô xát, tình cảm rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, cuộc sống của ai người đó tự lo.

Tại phiên toà, chị S vẫn tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M vì vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Gia đình hai bên đã nhiều lần giàn xếp nhưng vợ chồng không đoàn tụ được. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S, xử cho chị S được ly hôn anh M.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Lê Đình Mạnh S ngày 31/3/2006 và cháu Lê Đình Trình S ngày 09/10/2010. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cả hai cháu ở với chị S. Các cháu khỏe mạnh, phát triển tốt, được đi học đầy đủ, không bị đánh đập bạo hành. Chị S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh M nhưng anh M không có yêu cầu nguyện vọng nuôi con cũng như chứng M các điều kiện nuôi con của mình, do đó Hội đồng xét xử không xác định được nguyện vọng và điều kiện nuôi con của anh M, lỗi thuộc về anh M.

Xét nguyện vọng nuôi con của nguyên đơn: Chị S có sức khỏe, công việc và thu nhập ổn định, ngoài ra còn có sự hỗ trợ giúp đỡ của ông bà ngoại chăm sóc các cháu. Trong thời gian các cháu ở với mẹ được chăm sóc đầy đủ, sức khỏe tốt, không bị bạo hành. Anh M làm nghề tự do, thường xuyên vắng nhà, không quan tâm chăm sóc con cái, không gửi tiền cho chị S nuôi con nhưng chị S vẫn đảm bảo được các điều kiện nuôi con tốt. Vì vậy, để ổn định nơi ở, học tập, S hoạt của các cháu mà vẫn đảm bảo quyền lợi tốt cho các cháu nên giao cả hai cháu cho chị S chăm sóc nuôi dưỡng, anh M được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Do chị S không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét phần cấp dưỡng. Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu chị S không còn đủ điều kiện nuôi con hoặc khi anh M có nguyện vọng nuôi con thì anh M có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 273, 278, 280 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Lê Đình M.

2. Về con chung: Chị S và anh M có 02 con chung: Cháu Lê Đình Mạnh S ngày 31/3/2006 và cháu Lê Đình Trình S ngày 09/10/2010. Giao cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu; anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2021/0015894 ngày 25/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị S đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND xã Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào hồi giờ phút, ngày 21 tháng 10 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và ông Lê Hữu Thủy

Tiến hành thảo luận vụ án dân sự thụ lý số 295/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S - S năm 1983.

Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Lê Đình M - S năm 1982.

Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 227, Điều 233, 235 BLTTHS

Xét thấy: Bị đơn anh Lê Đình M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do.

Hoãn phiên tòa xét xử vụ án dân sự thụ lý số 295/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con

Kết quả biểu quyết: 3/3

Thảo luận kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 21 tháng 10 năm 2022

Biên bản thảo luận đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Long

Lê Hữu Thủy

Lê Thị Thu